VIETNAM DAILY REVIEW

Thị trường giằng co trong biên độ hẹp

Thứ Tư, Ngày 11 Tháng 11 Năm 2026 · BSC Research

VN-INDEX	VN30	HNX-INDEX	UPCOM-INDEX
1,746.90	1,855.27	255.73	121.57
▲ +3.83 (+0.22%)	▼ -5.66 (-0.30%)	▼ -0.53 (-0.21%)	▲ +0.16 (+0.13%)
GTKL (TỶ): 9,983	GTKL (TỶ): 4,873	GTKL (TỶ): 532	GTKL (TỶ): 317
SO TB20: -21.6%	SO TB20: -30.0%	SO TB20: -26.2%	SO TB20: -26.5%
NN (TỶ): +74.8	NN (TỶ): +144.4	NN (TỶ): -10.9	NN (TỶ): -12.2

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co quanh vùng 1,734 – 1,751 trong phiên hôm nay và đóng cửa tại mức 1,746.90 điểm, tăng gần 4 điểm so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 10/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Truyền thông giảm mạnh nhất, theo sau là Thực phẩm & Đồ uống và Hóa chất. Ở chiều ngược lại, ngành Tiện ích có hiệu suất tích cực nhất, theo sau là ngành Bất động sản và Bảo hiểm. Về giao dịch khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên HSX và bán ròng trên HNX cùng UPCoM. Về mặt kỹ thuật, trạng thái giằng co trong biên độ hẹp đi kèm thanh khoản sụt giảm tiếp tục phản ánh tâm lý thận trọng khi chỉ số tiệm cận vùng cản 1,750 điểm. Trong những phiên tới, quá trình giằng co tích lũy nhiều khả năng sẽ tiếp tục diễn ra. Vùng 1,750 – 1,756 điểm (hội tụ giữa các đỉnh ngắn hạn và đường MA10 trên khung tuần) sẽ là ngưỡng kháng cự then chốt; nếu vượt vùng này với thanh khoản cải thiện, chỉ số có thể hướng lên kiểm định SMA50 quanh 1,763 điểm. Ngược lại, chỉ số có thể lùi về kiểm định cụm SMA10/SMA20 (quanh 1,731 – 1,733 điểm), vùng hỗ trợ gần để củng cố nền giá.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 đều giảm, cùng chiều vận động với chỉ số VN30

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 10/11/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn

- VN-Index **+3.83** điểm, đóng cửa tại 1,746.90 điểm. HNX-Index **-0.53** điểm, đóng cửa tại 255.73 điểm. UPCoM-Index **+0.16** điểm, đóng cửa tại 121.57 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VIC (**+5.13**), VHM (**+0.85**), VCB (**+0.69**), GAS (**+0.65**), BID (**+0.40**).
- Kéo chỉ số giảm: VNM (**-1.47**), MCH (**-0.89**), VPB (**-0.52**), STB (**-0.47**), TCB (**-0.33**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 9,983 tỷ đồng, giảm 23.81% so với phiên trước và thấp hơn 21.6% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 13,880 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 17.3 điểm. Sàn HOSE có 135 mã tăng (0 mã trần), 112 mã tham chiếu, 155 mã giảm (2 mã sàn).
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 74.81 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VIC (**+138.78** tỷ), POW (**+78.07** tỷ), VHM (**+46.96** tỷ), HDB (**+42.04** tỷ), TPB (**+41.25** tỷ). Đây là phiên mua ròng thứ 2 liên tiếp; luỹ kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-123,030** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-10.85** tỷ đồng và bán ròng trên sàn UPCoM với giá trị **-12.20** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
VIC	138.78	FPT	-48.32
POW	78.07	NVL	-39.15
VHM	46.96	ACB	-35.40
HDB	42.04	MBB	-29.18
TPB	41.25	STB	-26.30

HOSE luỹ kế năm: **-123,030** tỷ 2 phiên mua ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	7,521	-0.38%	-0.63%
FTSE100	10,752	-0.29%	+1.06%
Eurostoxx	6,328	+0.59%	+2.98%
Shanghai	3,681	+0.46%	-0.15%
Nikkei	61,249	+1.31%	-1.51%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	92.67	+1.29%	-2.06%
Giá vàng	4,049	+0.41%	-0.28%
USD/VND	25,643	+0.17%	-0.30%
EUR/VND	28,561	-0.07%	-1.14%
JPY/VND	161	+0.06%	-0.62%
VN LS TPCP 10Y	4.46%	-0.1 bps	-0.2 bps
VN LS LNH 1M	5.80%	+35.0 bps	+25.0 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.

Mở tài khoản tại BSC

Quét mã QR để mở tài khoản chứng khoán trực tuyến.

Mục lục

Tổng quan 1
Thống kê thị trường 2
Biểu đồ & dòng tiền 3
Danh mục BSC30 4
Danh mục BSC50 5
Báo cáo gần đây 6
Khuyến cáo sử dụng 7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	245.20	+1.32%	+5.13	2.06
VHM	62.50	+0.81%	+0.85	3.15
VCB	54.20	+0.74%	+0.69	3.77
GAS	74.40	+1.78%	+0.65	0.80
BID	32.45	+0.78%	+0.40	4.60

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VNM	54.50	-5.87%	-1.47	3.47
MCH	124.40	-2.58%	-0.89	0.24
VPB	22.30	-1.11%	-0.52	9.32
STB	68.50	-1.72%	-0.47	0.98
TCB	21.85	-0.68%	-0.33	18.63

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIT	25.20	+9.57%	+0.16	0.00
KSF	68.50	+0.44%	+0.13	0.08
PVS	28.60	+0.70%	+0.08	1.62
CLM	80.80	+9.93%	+0.05	0.00
VGS	20.30	+5.18%	+0.05	0.95

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
THD	89.30	-0.56%	-0.24	0.00
NVB	15.40	-0.65%	-0.16	1.18
BAB	10.40	-0.95%	-0.13	0.00
SHS	13.60	-0.73%	-0.10	7.35
IDC	35.80	-0.56%	-0.07	0.57

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	245.20	+1.32%	+2.85	2.06
HPG	21.35	+0.47%	+0.83	10.19
SHB	11.15	+2.29%	+0.66	65.19
VHM	62.50	+0.81%	+0.61	3.15
VCB	54.20	+0.74%	+0.26	3.77

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VNM	54.50	-5.87%	-4.63	3.47
STB	68.50	-1.72%	-1.50	0.98
MSN	71.80	-1.10%	-1.14	3.94
VPB	22.30	-1.11%	-0.96	9.32
TCB	21.85	-0.68%	-0.61	18.63

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
DAH	2.66	+6.83%	0.84
FIR	3.03	+6.69%	0.95
VSI	20.90	+6.63%	0.00
KOS	3.61	+6.18%	6.59
SC5	16.35	+6.17%	0.00

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
DAT	7.51	-6.94%	0.01
SMA	8.49	-6.91%	0.01
HU1	4.27	-6.77%	0.00
ITD	10.65	-6.58%	0.01
SGT	10.25	-6.39%	0.00

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
CLM	80.80	+9.93%	0.00
HEV	13.50	+9.76%	0.00
THT	7.90	+9.72%	0.19
SGH	18.30	+9.58%	0.00
VIT	25.20	+9.57%	0.00

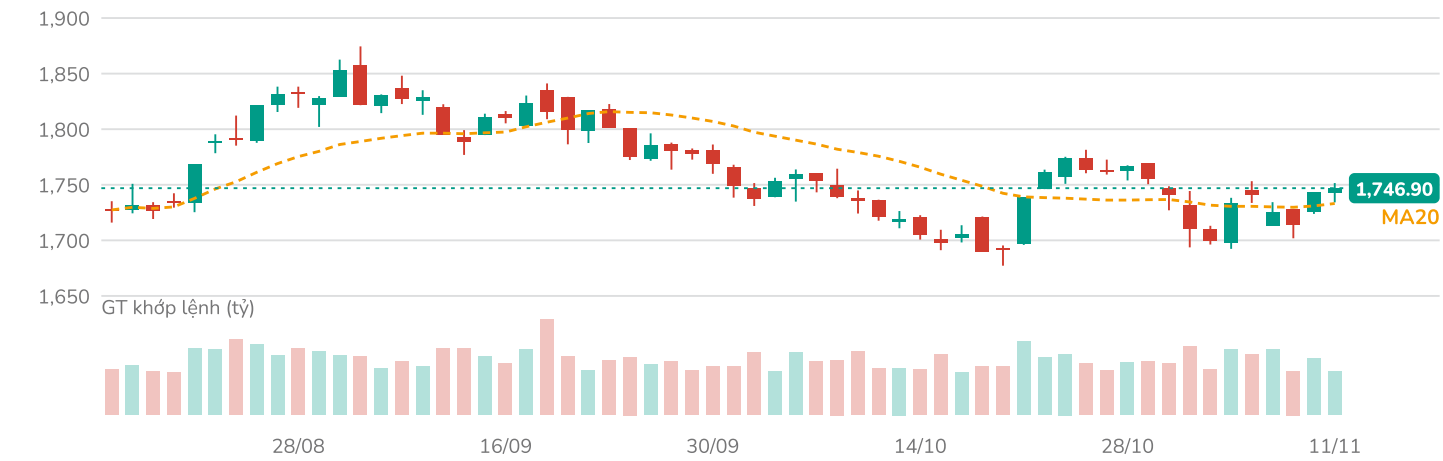
Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
VC6	19.20	-9.86%	0.00
DC2	4.60	-9.80%	0.00
POT	20.00	-9.09%	0.02
PJC	27.50	-8.33%	0.00
TIG	3.30	-8.33%	0.52

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

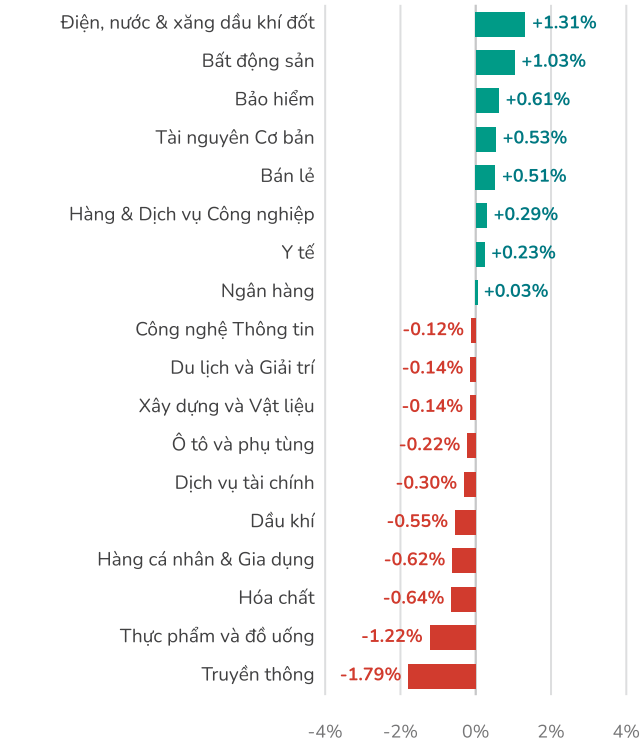
Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên



MA20 = 1,733.13 TB20 GT khớp lệnh: 12,728 tỷ

Diễn biến ngành cấp 2



Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

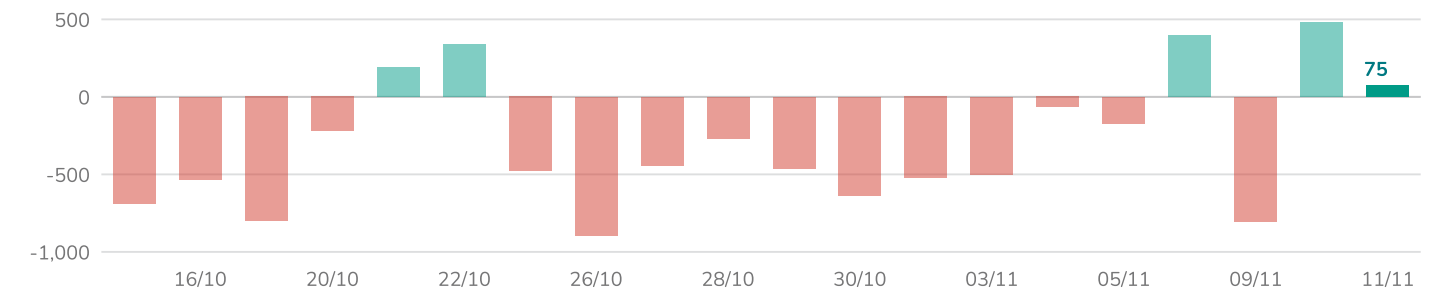
Bảng 1 · Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND

NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Bất động sản	+1.03%	2,095	113.5
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	+1.31%	510	109.7
Tài nguyên Cơ bản	+0.53%	423	63.2
Bảo hiểm	+0.61%	43	19.7
Xây dựng và Vật liệu	-0.14%	712	-12.9
Ngân hàng	+0.03%	5,478	-16.9
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	+0.29%	915	-22.6
Hóa chất	-0.64%	150	-27.5
Công nghệ Thông tin	-0.12%	341	-50.0
Dịch vụ tài chính	-0.30%	1,412	-81.0

Bảng 2 · Theo nhóm vốn hoá VN30 · VNMID · VNSML · tỷ VND

NHÓM VỐN HOÁ	%1D	GTGD	NN RÒNG
VN30	-0.30%	7,077	144.4
VNMID	-0.03%	5,983	-39.3
VNSML	+0.08%	569	-6.6

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Danh mục BSC30

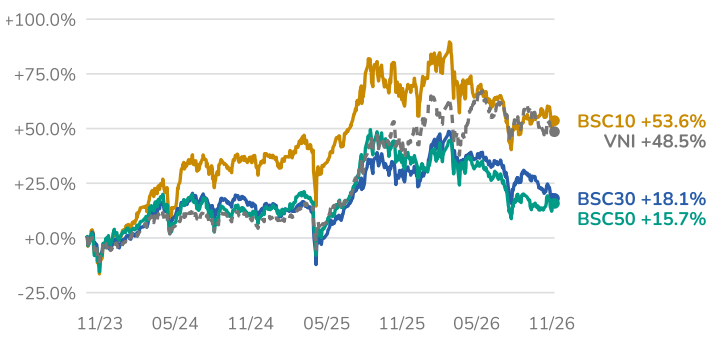
Diễn biến BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.16%**. Các mã diễn biến tích cực: TPB (+3.15%), HSG (+1.38%), VCI (+1.00%).
- BSC50 **+0.11%**. Các mã diễn biến tích cực: PVT (+2.20%), GAS (+1.78%), NLG (+1.70%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	-0.16%	+0.11%	+0.22%	-0.30%
1 tuần	-0.39%	+0.90%	+0.80%	-0.37%
1 tháng	+0.95%	+3.05%	+2.47%	+0.15%
3 tháng	-2.80%	-3.57%	-2.58%	-4.19%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích luỹ



Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	73.7	-0.41%	1.0	108,759	150.2	7,556	9.8	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	27.2	0.00%	1.1	25,616	292.7	1,859	14.6	42.4	6.2%	Link
KDH	Bất động sản	15.5	-2.52%	0.9	19,302	217.5	1,374	11.3	39.9	23.9%	Link
PDR	Bất động sản	11.8	-0.84%	1.0	11,774	37.8	540	21.8	28.2	7.0%	Link
VHM	Bất động sản	62.5	+0.81%	1.7	513,427	195.5	12,039	5.2	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	50.9	0.00%	0.6	95,984	332.8	5,479	9.3	124.4	26.5%	Link
BSR	Dầu khí	25.3	-0.59%	–	126,685	163.6	5,584	4.5	–	1.4%	Link
PVS	Dầu khí	28.6	+0.70%	0.9	17,552	46.3	3,417	8.4	52.3	15.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.2	-1.07%	1.0	31,829	73.0	1,060	21.9	–	34.4%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	20.6	-0.48%	1.1	61,660	262.9	1,554	13.2	–	29.9%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	20.2	+1.00%	0.9	23,275	152.3	1,249	16.2	–	14.6%	Link
DCM	Hóa chất	30.0	-0.33%	0.4	15,882	63.2	5,132	5.8	53.3	7.3%	Link
DGC	Hóa chất	32.7	-0.46%	0.7	12,419	8.7	4,883	6.7	96.7	2.6%	Link
ACB	Ngân hàng	20.6	-0.48%	0.6	119,571	249.9	2,773	7.4	27.1	22.0%	Link
BID	Ngân hàng	32.5	+0.78%	0.9	252,404	149.2	4,524	7.2	–	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	31.8	-0.31%	0.9	246,989	463.0	5,479	5.8	53.5	24.6%	Link
HDB	Ngân hàng	22.5	0.00%	0.9	146,404	396.6	2,932	7.7	32.7	19.2%	Link
MBB	Ngân hàng	19.4	0.00%	0.8	195,334	193.0	3,507	5.5	32.4	21.9%	Link
MSB	Ngân hàng	16.4	0.00%	0.7	61,214	351.6	1,673	9.8	14.0	6.0%	Link
STB	Ngân hàng	68.5	-1.72%	0.7	129,137	67.1	809	84.7	–	10.1%	Link
TCB	Ngân hàng	21.9	-0.68%	1.1	232,251	421.9	2,694	8.1	43.5	20.7%	Link
TPB	Ngân hàng	13.1	+3.15%	0.9	41,791	364.4	2,649	4.9	–	21.7%	Link
VCB	Ngân hàng	54.2	+0.74%	0.8	452,878	204.9	4,986	10.9	–	19.7%	Link
VIB	Ngân hàng	14.1	0.00%	0.7	52,482	52.6	2,070	6.8	23.0	4.1%	Link
VPB	Ngân hàng	22.3	-1.11%	1.2	223,000	207.8	3,118	7.2	36.5	22.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	16.2	0.00%	0.8	6,983	52.0	2,348	6.9	28.8	1.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	71.8	-1.10%	1.0	104,855	282.6	6,243	11.5	100.4	25.1%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	54.5	-1.62%	0.4	113,903	190.9	5,455	10.0	78.0	49.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	21.4	+0.47%	0.7	180,257	216.6	3,251	6.6	32.2	21.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	11.1	+1.38%	0.9	8,920	32.9	772	14.3	14.3	3.3%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	39.2	-0.88%	1.0	8,756	23.0	4,269	9.2	28.7%	26.7%	Link
FRT	Bán lẻ	148.0	+1.09%	0.8	26,465	26.2	7,598	19.5	33.8%	29.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	64.7	+0.62%	0.7	48,028	42.4	4,560	14.2	27.5%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	10.5	-1.41%	1.0	8,864	54.8	776	13.5	3.1%	6.3%	Link
DXG	Bất động sản	11.3	-0.88%	1.1	14,330	93.8	92	123.3	15.3%	0.8%	Link
HDC	Bất động sản	13.1	-0.38%	1.0	3,009	25.6	690	19.0	1.3%	6.6%	Link
IDC	Bất động sản	35.8	-0.56%	0.8	14,945	20.4	4,365	8.2	15.2%	26.8%	Link
NLG	Bất động sản	23.9	+1.70%	0.8	11,594	66.5	1,026	23.3	35.0%	3.8%	Link
SIP	Bất động sản	50.0	+0.40%	0.8	12,106	4.0	5,778	8.7	2.2%	27.1%	Link
SZC	Bất động sản	20.6	+1.23%	1.0	3,708	27.1	891	23.1	1.3%	5.1%	Link
TCH	Bất động sản	13.6	0.00%	1.0	13,645	111.7	793	17.1	9.9%	6.8%	Link
VIC	Bất động sản	245.2	+1.32%	1.5	1,903,288	503.8	5,557	44.1	3.0%	26.1%	Link
VRE	Bất động sản	24.1	0.00%	1.6	54,763	41.9	3,255	7.4	11.1%	14.9%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	17.6	0.00%	0.8	4,099	5.0	1,687	10.4	35.4%	11.9%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	136.5	+0.07%	0.8	104,981	115.7	2,866	47.6	5.2%	8.5%	Link
PLX	Dầu khí	32.9	+0.15%	0.9	42,504	26.7	3,022	10.9	14.4%	14.6%	Link
PVD	Dầu khí	16.4	-2.10%	0.7	15,169	144.6	976	16.8	8.0%	5.3%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	19.8	-1.00%	0.9	7,542	17.7	1,054	18.8	24.7%	9.0%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	16.5	-0.60%	0.9	16,515	50.9	1,562	10.6	0.5%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.4	+0.45%	1.6	29,244	373.8	762	29.3	5.7%	5.2%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	53.6	+0.19%	0.9	34,804	126.8	4,184	12.8	37.6%	19.7%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48.2	0.00%	0.8	9,247	8.6	6,594	7.3	3.5%	25.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.9	+2.20%	0.7	10,829	109.2	2,977	7.0	15.8%	16.6%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.2	+0.22%	0.7	9,327	11.5	2,174	21.2	4.0%	18.0%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.6	-1.02%	1.4	7,446	86.8	3,302	4.4	25.2%	12.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.9	-0.33%	0.8	1,759	8.3	1,741	8.6	48.1%	8.4%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.5	0.00%	0.7	2,253	7.6	3,692	4.7	22.3%	23.6%	Link
DPM	Hóa chất	19.4	-0.26%	0.5	13,191	16.4	2,320	8.4	3.1%	13.8%	Link
GVR	Hóa chất	29.4	-0.84%	1.6	117,600	21.6	2,111	13.9	0.5%	14.1%	Link
EIB	Ngân hàng	16.4	+0.31%	1.2	30,549	328.2	103	159.8	0.8%	0.7%	Link
LPB	Ngân hàng	36.2	+0.28%	0.6	108,140	1,183.1	4,048	8.9	1.4%	26.0%	Link
NAB	Ngân hàng	12.8	0.00%	0.5	27,633	29.0	2,365	5.4	1.0%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	10.8	+0.47%	0.6	33,075	9.4	1,482	7.3	18.9%	12.8%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	17.6	+0.28%	1.0	4,699	25.8	2,961	6.0	1.8%	20.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	30.9	0.00%	0.5	12,546	47.8	252	122.7	3.0%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	43.4	+1.05%	0.3	55,599	32.6	3,623	12.0	58.8%	22.2%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	49.5	-0.70%	0.7	10,378	20.1	5,503	9.0	17.5%	12.8%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.3	+1.65%	0.9	6,056	88.3	494	24.9	4.9%	3.2%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	130.5	-0.61%	0.5	10,683	4.9	15,292	8.5	81.7%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	71.0	-0.56%	0.8	7,939	33.4	7,145	9.9	47.6%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	63.2	-1.10%	0.7	8,097	8.1	5,223	12.1	5.4%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	32.5	+0.78%	0.7	3,854	15.4	3,735	8.7	18.4%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.9	0.00%	0.8	5,676	65.2	1,241	8.0	10.5%	6.1%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	16.6	+0.30%	0.8	7,851	77.0	2,352	7.1	8.1%	16.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	15.6	+0.97%	0.7	10,857	254.9	1,607	9.7	2.2%	9.7%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	40.6	+0.12%	1.0	18,225	12.1	4,003	10.2	0.8%	20.6%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	74.4	+1.78%	0.9	179,523	59.0	6,110	12.2	2.1%	21.2%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.5	-1.20%	0.8	6,715	19.6	1,999	8.2	15.8%	11.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.7	+1.60%	1.0	38,962	328.5	2,353	5.4	4.3%	17.9%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	48.1	+0.84%	0.4	29,985	46.1	4,420	10.9	49.0%	12.8%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator | 11.2026: Cập nhật thông tin liên quan hoạt động cổ phần hóa thoái vốn DNNN giai đoạn 2026-2030	x		Xem
2	BSC Navigator | 10.2026: Hướng tới mục tiêu tăng trưởng GDP hơn 12% trong quý 4/2026	x		Xem
3	BSC Navigator | T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
4	BSC Navigator | T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
5	BSC Insight | Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
6	BSC Insight | Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Xem
7	BSC Navigator | T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
8	BSC Navigator | T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
9	BSC Navigator | T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
10	BSC Navigator | T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
11	BSC Insight | FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
12	BSC Navigator | 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
13	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
14	BSC Insight | Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
15	BSC Navigator | T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
16	BSC Navigator | T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
17	BSC Navigator | 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
18	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
19	BSC Navigator | T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
20	BSC Navigator | T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
21	BSC Navigator | T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
22	BSC Insight | Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
23	BSC Navigator | T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
24	BSC Navigator | T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách
Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú
Trưởng nhóm
Ngành - Doanh nghiệp
Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung
Trưởng nhóm
Định lượng
Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660 Khu vực miền Nam: (028) 38218 889 Website: http://www.bsc.com.vn